

Hà Nam, ngày 07 tháng 11 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, các nhà cung cấp máy đo chức năng hô hấp, máy đo thính lực đơn âm tại Việt Nam.

Hiện nay Công ty đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung ứng máy đo chức năng hô hấp, máy đo thính lực đơn âm. Công ty kính đề nghị Quý Công ty, các nhà cung cấp máy đo chức năng hô hấp, máy đo thính lực đơn âm tại Việt Nam có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá cạnh tranh cung ứng máy đo chức năng hô hấp, máy đo thính lực đơn âm với danh mục theo nhu cầu của chúng tôi, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Công ty TNHH xây dựng Đại Kim.

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm nhận báo giá: Ông Nguyễn Ngọc Thái phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp.

Điện thoại: 096 686.1818

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: SN 38 ngõ 160 đường Trường Chinh, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 phút ngày 07 tháng 11 năm 2023 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 17 tháng 11 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục, số lượng như sau: (phụ lục kèm theo)

2. Công ty rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty, các nhà cung cấp./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:


- Các đơn vị doanh nghiệp cung ứng;
- Lưu: VT.



Nguyễn Ngọc Thái

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG MÁY MÓC, TRANG THIẾT BỊ
(Kèm theo thư mời yêu cầu báo giá ngày 07 tháng 11 năm 2023)

STT	Tên vật tư thiết bị	Mô tả chi tiết & thông số kỹ thuật		Hãng SX/ Nước SX	DVT	SL	
1	Máy đo chức năng hô hấp	[Loại bảo vệ] Loại II, Được cấp nguồn bên trong [Mức độ bảo vệ] Loại B [Lớp điều khiển] Các thiết bị y tế được kiểm soát yêu cầu bảo trì đặc biệt Phương pháp phát hiện Siêu âm / Turbine			MODEL HI-301 /HÃNG CHEST NHẬT BẢN	Chiếc	01
		Lưu lượng	Phạm vi phát hiện	+/- 18.0 L / S			
			Độ phân giải	0.01L / S			
			Áp lực kháng	Ít hơn 1,5 cm H2O / L / s lên đến 14L / s			
		Âm lượng	Phương pháp phát hiện phạm vi phát hiện	Kiểu tích hợp luồng +/- 10,0 L			
			Độ phân giải				
			Độ chính xác	+/- 3% hoặc +/- 0.05 L, tùy theo mức nào lớn hơn			
		Màn hình LCD		Rộng 7 inch Màn hình LCD màu TFT (800x480dots)			
		Máy in tích hợp Lưu trữ dữ liệu		Chiều rộng 112mm, máy in đầu chấm nhiệt			
			Khả năng lưu trữ	Hơn 20.000 dữ liệu (HD)			
		Truyền dữ liệu	Giao diện USB,	Kết nối không dây			
		Mức đo lường		SVC, FVC, MVV, MV + BD + phản kháng			
		Kích thước & Trọng lượng		230 (W) x 240 (D) x 85 (H) mm, 2kg			
		Nguồn điện		100-240VAC, 50 / 60Hz			
		Công suất đầu vào		700-350mA			
		Điều kiện môi trường để sử dụng	nhiệt độ	10 °C đến + 40 °C			
			Độ ẩm	10% đến 95%, không ngưng tụ			
	áp suất khí quyển	800 đến 1060 hPa					

	Điều kiện môi trường để lưu trữ	nhiệt độ 10 °C đến + 40 °C			
		Độ ẩm 10% đến 95%, không ngưng tụ			
		áp suất khí quyển 800 đến 1060 hPa			
	<p>* Hiệu suất và thông số kỹ thuật có thể thay đổi để cải thiện mà không cần thông báo trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương pháp cảm biến lưu lượng (Siêu âm) Cảm biến lưu lượng HI-301 được trang bị hai đầu dò siêu âm hoạt động như một máy phát / máy thu tương ứng, được gắn ở phía bên xiên lên và xuống của kênh dòng chảy, trong đó khí thở ra và hít vào • Phương pháp cảm biến lưu lượng (Turbine) Cảm biến lưu lượng tuabin sử dụng phát hiện luồng không khí di chuyển vào và ra khỏi bệnh nhân. Luồng không khí chạm vào các cánh tuabin và xoay tua-bin, và tốc độ quay và hướng được đo bằng 2 cảm biến ánh sáng để tính tốc độ dòng chảy. <p>Tốc độ dòng chảy được tính từ khoảng thời gian đến bằng cách truyền xung siêu âm vào luồng không khí.</p>				
					
	Khối lượng thở ra hoặc hít phải được tính bằng cách tích hợp tốc độ dòng chảy				

		<p>Sau đây được xác định bởi một bộ vi xử lý nhúng sau khi đo lưu lượng và tốc độ dòng chảy. SVC, FVC, FV, MVV, MV, BD thử nghiệm, thử thách, tuổi phổi (sử dụng phương trình hồi quy cho FEV1 do Hiệp hội hô hấp Nhật Bản đề xuất), v.v.</p> <p>Ngoài ra, dữ liệu đo bằng máy đo xung nhịp tùy chọn có thể được nhập bằng dây Có thể truyền kết quả đo tới máy tính bằng kết nối có dây hoặc không dây hoặc để in bằng máy in bên ngoài được kết nối với cổng USB</p>			
--	--	--	--	--	--

2	<p>Máy đo thính lực đơn âm</p>	<p>DVT</p> <p>Bộ</p>	<p>SL</p> <p>1</p>	<p>THÔNG SỐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tên sản phẩm: Máy đo thính lực AA-M1B/ Máy đo thính lực AA-M1C • Chung loại: Dụng cụ máy móc 23 Máy kiểm tra thính lực • Tên gọi thông thường: Máy đo thính lực đơn âm • Mã JMDN: 37503000 • Phân loại thiết bị y tế: Thiết bị y tế quản lý loại II • Thiết bị y tế quản lý bảo trì cụ thể: không áp dụng • Phân loại sửa chữa: Thiết bị y tế quản lý không bảo trì cụ thể/ khu vực thứ 2 • Tiêu chuẩn áp dụng: : JIS T 1201-1:2011, JIS T 1201-2:2000, JIS T 0601-1:1999, JIS T 0601-1-1:2005, JIS T 0601-1-2002, JIS T 14971:2003 <p>1/ Chức năng kiểm tra</p> <p>Danh mục kiểm tra: Kiểm tra thính lực đơn âm</p> <p>+ Đường khí : Tiêu chuẩn</p> <p>+ Đường khí: xương chũm (mở), trán (đóng kín)</p> <p>Kiểm tra sàng lọc: Đường khí</p> <p>Kiểm tra thính lực trên ngưỡng: Kiểm tra SISI, kiểm tra ABLB</p> <p>Đo thính lực tự ghi nhớ: Kiểm tra TTS, kiểm tra tự ghi nhớ tần số cố định.</p> <p>Kiểm tra thính lực lời:</p>
---	--	----------------------	--------------------	---

AA-M1B: Bảng từ bên trong (Bảng từ 57S/67S), nhập bên ngoài

AA-M1C: nhập bên ngoài

2/Kiểm tra thính lực đơn âm

Tần số âm

+ Đường khí: 125, 250, 500, 750, 1000, 1500, 2000, 3000, 4000, 6000, 8000 Hz

+ Đường xương: 250, 500, 750, 1000, 1500, 2000, 3000, 4000, 6000Hz

- Phạm vi mức âm lực
- Đường khí: -10 ~ 110 dBHL (cực đại)
- Đường xương: -10 ~ 70 dBHL (xương chũm để mở - không điều chỉnh, cực đại)
- Mức âm lực xuất ra
- Mức âm lực giá trị ngưỡng tương đương tiêu chuẩn của đo đường khí dựa theo JIS T1201-1:2011
- Mức âm lực giá trị ngưỡng tương đương tiêu chuẩn của đo đường xương (để mở-không điều chỉnh) dựa theo JIS T 1201-1:2011
- Âm xuất ra ở đường xương tùy theo vị trí đeo tai đo, việc có hay không điều chỉnh mức độ kín ống tai ngoài. Chũm mở -không điều chỉnh, trán đóng- không điều chỉnh, trán đóng – có điều chỉnh.
- Sai số tần số: ± 2

- Sai số mức âm lực xuất ra
 - Đường khí: 125-4000Hz ± 3 dB; 6000, 8000 Hz ± 5 dB
 - Đường xương: 250~4000 Hz ± 4 dB; 6000, 8000 Hz ± 5 dB
- Mức điều chỉnh thính lực: mỗi bước điều chỉnh 5dB
- Méo tiếng ở các tần số cao
 - Đường khí: dưới 2.5%
 - Đường xương: dưới 5.5%
- Bộ ngắt: Tần số sóng ngắt 2.2 Hz cố định, có chức năng lật
- Thời gian nâng và hạ 40ms
- Gây ù che lấp (Dùng cho tất cả các phương pháp kiểm tra ngoại trừ kiểm tra thính lực lời)
- Biên độ tiếng ồn dùng gây ù che lấp: JIS T 1201-1-2011 theo tạp âm băng tần hẹp (quãng tám 1/1.25)
- Tần số trung tâm biên độ tiếng ồn: 125, 250, 500, 700, 1000, 1500, 2000, 3000, 4000, 6000, 8000 Hz.
- Phạm vi mức tiếng ồn gây ù che lấp: Biên độ tiếng ồn: 0~105 dBHL (cực đại)
- Bước điều chỉnh âm lực tiếng ồn mỗi bước điều chỉnh 5dB
- Mức thính lực trung bình: Hiển thị tự động và chữ in (3 phần, 4 phần ,6 phần)
- Kiểm tra giá trị ngưỡng tự động: Phương pháp gây ù che lấp: Phương pháp gây ù cổ điển, phương pháp gây ù Plateau tự động

3/ Kiểm tra sàng lọc

Tần số kiểm tra và mức âm thanh kiểm tra theo như bảng dưới đây:

Tần số (Hz)	Mức âm thanh kiểm tra
1000Hz	30 dB cố định
4000Hz	30 dB hoặc 40dB

4/ Kiểm tra thính lực trên ngưỡng

- Kiểm tra SISI
- Kiểm tra SISI tăng mức âm thanh 1 dB (khi luyện tập và xác nhận là 5dB)
- Chu kỳ tăng âm là 5 giây

- Hiện thị-ghi chép mẫu phản ứng đến 4 tần số tổng hợp cả hai bên trái phải.
- Mẫu phản ứng và in điểm SISI.

- Kiểm tra ABLB
- Tần số kiểm tra và phạm vi mức âm lực: Giống phạm vi xuất ra của đo thính lực đơn âm (chỉ ở đường khí), Tuy nhiên, mức âm lực nhỏ nhất của gây ù che lấp là 0 dBHL.

- Hiện thị - ghi chép kết quả kiểm tra đến 4 tần số lớn nhất
- Có thể hoán đổi hai bên trái phải (tai lành, tai bệnh) của hiện thị trên màn hình.

5/ Đo thính lực tự ghi nhớ

- Tần số kiểm tra
 - Kiểm tra tự ghi tần số cố định (chỉ có ở đường khí): chọn 6 tần số từ 250, 500, 1000, 2000, 4000, 8000 Hz
 - Kiểm tra TTS (chỉ ở đường khí) : chọn 11 tần số từ 125~8000
- Tốc độ quét hướng tần số: 0.5, 1, 2 octa/phút (tự ghi nhớ cố định); 1 vạch/phút cố định (TTS)
- Thời gian kiểm tra TTS 3, 6 phút/tần số
- Kết quả kiểm tra TTS có thể ghi nhớ tối đa đến 4 cách thức

6/ Kiểm tra thính lực lời

- Nguồn âm kiểm tra
 - + AA-M1B: Bảng từ bên trong (Bảng từ 57S/67S), nhập bên ngoài
 - + AA-M1C: nhập bên ngoài.
- Phạm vi đo mức thính lực -10~100dB (chỉ ở đường khí)
- Tiếng ồn gây ù che lấp
- Tiếng ồn lời: Theo tạp âm bất quy tắc gia tăng JIS T 1201-2:2000
- Phạm vi mức âm lực: 0~100 dBHL

7/ Phần kỹ thuật số:

- Giao điện
 - RS-232-C: dữ liệu xuất ra, đầu đọc thẻ/ đầu đọc mã vạch
 - LAN: nhập xuất thông tin
- Thiết bị hiển thị: Màn hình màu LCD rộng 7 inch, 800x480 điểm ảnh, màn hình cảm ứng điện trở
- Máy in có sẵn: Máy in nhiệt 4 inch, 832 chấm/đường kẻ, 8 chấm/mm

8/ Khác:

- Talk over: Có thể sử dụng bằng cách nối với micro ngoài
- Talk back: có thể sử dụng bằng cách nối với micro ngoài (xuất ra kênh phải của tai nghe)
- Cảnh báo bên trong: Kiểm tra kết thúc, xác nhận, báo động khi khác thường, có thể chuyển đổi TẮT/MỞ
- Chức năng khác: cảnh báo ngoài, đồng hồ bên trong

9/ Nguồn điện:

- Chuyển đổi nguồn: JIS T1201-1-2011 thích hợp với 5.5.1
- Phân loại theo hình thức bảo vệ chống điện giật: thiết bị bậc 1
- Phân loại phần trang bị theo mức bảo vệ chống điện giật: phần trang bị hình B

- Nguồn điện: AC100V, 50/60Hz 60VA

10/ Điều kiện môi trường

- Điều kiện môi trường sử dụng: nhiệt độ 15 ~ 35°C, độ ẩm tương đối 30 ~ 90% R.H
- Điều kiện môi trường bảo quản và vận chuyển: nhiệt độ -10 ~ 50°C, độ ẩm tương đối 10~90% R.H (Nếu không có bất kỳ sự ngưng tụ nào)

11/ Kích thước và trọng lượng

- Phần thân máy: Khoảng 350 (rộng) x 395 (dài) x 290 (cao) mm
- Trọng lượng khoảng 5.8 kg

